

VÀI NÉT VỀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI KHMER TÂY NAM BỘ

Lê Văn Hữu

Người Khmer ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thường sống thành từng cụm dân cư. Cộng đồng cư dân này tập trung nhiều ở các tỉnh như: Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang và ven biên giới Việt Nam – Kampuchia của một số tỉnh lân cận. Người Khmer sống trong vùng trồng lúa và những vùng giồng đất, thuận lợi cho việc trồng hoa màu. Nơi cộng cư của người Khmer được gọi là “phum”, nhiều phum hợp thành “srok” (thường gọi là Sóc). Người Khmer giỏi nghề trồng trọt, đặc biệt là sớm biết trồng lúa nước với nhiều biện pháp thủy lợi rất hiệu quả. Ngoài nghề nông người Khmer còn rất khéo tay trong nghề đan lát tre lá, dệt chiếu, dệt tơ lụa.

Trong đời sống tinh thần, người Khmer có quan hệ mật thiết với các ngôi chùa. Đó là nơi sinh hoạt tôn giáo, sinh hoạt

cộng đồng, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật và cũng là nơi giáo dục, đào tạo. Có thể nói, ngôi chùa vừa là thiết chế tôn giáo, vừa là thiết chế văn hóa nghệ thuật và cũng là thiết chế giáo dục, xã hội... đối với người Khmer.

Về ngôi chùa:

Ở Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 440 ngôi chùa lớn nhỏ của người Khmer, mỗi chùa có ít nhất 5 - 10 ông lục, nhiều khi đến 60 - 70 ông ăn ở, học tập tu hành.

Kiến trúc các ngôi chùa thường có phần giống nhau. Chính điện quay về hướng Đông, mái thường có ba tầng chồng lên nhau. Ngói lợp mái màu vàng và lục nhạt. Nhiều chùa ngày nay có mái được đúc liền bằng xi măng, cần gạch màu. Hình *ngo cong* vút thường được trang trí các bờ nóc, góc mái. Chính điện có hai hàng cột cao to. Cuối chính điện, có một tượng Phật Thích Ca đặc đạo

lớn và nhiều hàng tượng Phật Thích Ca nhỏ với nhiều tư thế khác nhau trên bàn thờ Phật. Trên trần của ngôi chính điện có nhiều bức họa tả lại đời sống của Đức Phật và các cảnh trong truyện cổ *Reamkê*. Các tháp đứng hài cốt được đặt quanh khu chánh điện.

Chùa của người Khmer là một công trình kiến trúc nghệ thuật hoàn thiện. Nhiều hình, nhiều tượng, phù điêu được khắc họa làm cho ngôi chùa vừa có vẻ tôn nghiêm vừa sinh động. Các hình, tượng *Reahu*, *Kennâr*, *Krud*, các tượng rắn... được thể hiện công phu, tinh tế. Song song đó, dây hoa, lá cách điệu với nhiều kiểu, nhiều màu rực rỡ điểm xuyết làm cho các hình tượng tươi tắn, sống động. Có thể nói mỗi ngôi chùa là một công trình kiến trúc toàn mỹ.

Chùa Khmer là nơi tổ chức các sinh hoạt gắn với

đạo Phật Tiểu thừa. Các lễ hội Phật giáo lớn như: Lễ Phật đản (*Bon Pisakh Bâuchea*), lễ nhập hạ (*Bon Châul Vâssa*), lễ đặt cơm vắt (*phua chumboa*), lễ xuất hạ (*Bon Chên Vâssa*), lễ xuống trần (*Bon ASoch Bâuchea*), lễ dâng y cà sa (*Kathin năh tean*), lễ kết giới (*Bon Bân Choh seima*); lễ an vị tượng Phật (*Bon Puthea Phisek*), lễ ngàn núi (*Bon Phnomponn*)... được tổ chức tại đây. Vào những ngày mùng 5, 8, 15, 20, 23, 30... hàng tháng chùa cũng tổ chức các lễ cúng gắn liền với niềm tin vào đức Phật. Bên cạnh đó, chùa còn là nơi tổ chức các lễ hội nông nghiệp cổ truyền của người Khmer như: lễ vào năm mới (*Bon Châul Chnam Thmei*), lễ cúng ông bà (*Pithi Sên Daunta*), lễ cúng trăng (*Bon Âk-om-bóc*).

Ngôi chùa Khmer thường lưu giữ nhiều tài liệu cổ, những hiện vật quý hiếm có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, mỹ thuật... Chùa là nơi tổ chức các lễ hội dân tộc. Đây còn là không gian để cộng đồng dân cư thể hiện khả năng diễn xướng. Song song đó, chùa cũng là nơi dạy chữ cho con em dân sóc quanh vùng. Mọi buồn

vui của người Khmer, từ lúc sinh thành và cho đến lúc chết đi, đều gắn liền với ngôi chùa: chùa là nơi để thanh niên Khmer thành đinh đến thọ giới tu học cho đến khi trưởng thành, ngôi chùa vừa dạy chữ, vừa dạy người, chùa cũng là nơi dân cư phum sóc gửi gắm hài cốt của mình sau khi chết đi. Có thể nói, ngoài tâm linh, chùa cùng lúc vừa thực hiện chức năng giáo dục, vừa thực hiện chức năng bảo tồn, bảo tàng và cả chức năng giải trí thông qua các loại hình sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật.

Vị thế của ngôi chùa càng được tăng cường thông qua đạo đức của các vị sư. Tâm niệm sống để làm phước đã đưa các vị sư đến với cư dân phum sóc một cách vô điều kiện, trong lúc bà con gặp khó khăn. Vì vậy, vai trò của các nhà sư cùng với ngôi chùa đã thấm sâu một cách tự giác, thân thiện trong lòng cư dân phum, sóc từ ngàn xưa.

Về ngôn ngữ:

Người Khmer có tiếng nói gốc bản địa gần gũi với ngôn ngữ các cư dân Đông Nam Á và được bổ sung qua giao lưu, tiếp biến với các yếu tố ngoại nhập một cách tự giác hay cưỡng bức trong các

thời kỳ lịch sử khác nhau. Theo thời gian, người Khmer tiếp thu tiếng Ấn Độ *Sanskrit*, *Pali* rồi sau đó không ngừng sáng tạo theo hướng làm giàu ngôn ngữ của mình, đặc biệt là phần ngữ nghĩa.

Trên nền tảng của chữ *Pramei* cổ, chữ viết của người Khmer được hình thành và sau đó được cải biến nhiều lần. Cho đến nay, người Khmer đã có chữ viết riêng.

Về văn hóa, nghệ thuật:

Người Khmer rất thích âm nhạc.

Ca múa nhạc của người Khmer rất phong phú, sống động. Nó thể hiện một cách duyên dáng tình cảm tinh tế, sự phong phú, sâu sắc của cuộc sống.. với thái độ luôn yêu đời, lạc quan và rất dí dỏm của người Khmer.

Các bài *Sâm Pông*, *Phát cheay*, *Alê*, *Chol Chlung*... là loại hình âm nhạc không lời. Hát ru con thì có *umtuk*. Kể chuyện lại có *châm riêng*. Hát đối đáp có *Ayai*... Trong khí nhạc, dân nhạc *Phlêng Pinpeat* (ngũ âm) mang tính phổ biến, được dùng trong các ngày lễ hội lớn. Còn *Phlêng Khsè* là dân nhạc nhẹ chủ yếu dùng đàn dây và *lấy trô sô*

(giống cò Nam Bộ) làm nhạc cụ chủ đạo.

Múa Khmer uyển chuyển, tinh tế. Điệu *Râm vông* mềm mại, *lâm lênh* dồn dập, *saravan* sôi động, *sarikakev* trữ tình, điệu múa trống *chhayam* khéo léo. Trong kịch múa *Robam*, múa là ngôn ngữ chủ đạo, có trình độ rất cao.

Như đã nói ở trên, *Robam* là hình thức kịch hát lấy nghệ thuật múa làm ngôn ngữ chính. *Robam* có nguồn gốc xa xưa. Nội dung vở diễn gắn với các truyền thuyết, thần thoại. Vào khoảng những năm 1920-1930, người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long sáng tạo ra hình thức kịch hát *Yukê*. Loại hình này đến nay được rất nhiều người ưa chuộng.

Trong dân gian và các chùa, văn học dân

gian của người Khmer được bảo tồn rất tốt. Văn học dân gian của người Khmer thể hiện quan niệm sống của mình đối với thiên nhiên, xã hội và con người trong các thời kỳ lịch sử.

Người Khmer có nhiều thành tựu trong nghệ thuật tạo hình. Mỗi ngôi chùa Khmer là một công trình kiến trúc, mỹ thuật, điêu khắc, hội hoạ độc đáo. Phong cách mỹ thuật ở các công trình này thể hiện tính hướng thiện, hồn nhiên, lạc quan và sự thành kính của người Khmer đối với niềm tin Phật giáo.

Về tín ngưỡng, tôn giáo:

Người Khmer có nhiều niềm tin chi phối, trong đó rõ nét hơn cả là tín ngưỡng dân gian, đạo Bà La Môn và đạo Phật Tiểu thừa.

Tín ngưỡng dân gian xuất hiện lâu đời gắn liền với các lễ cúng *Arak*, *Neakta*, *Thvay Kru*... Niềm tin Bà La Môn ngày nay tuy không còn rõ nét nhưng các vị thần Bà La Môn vẫn được nhắc đến với sức mạnh vô biên của các thế lực siêu nhiên. Phổ biến nhất là Đạo Phật Tiểu thừa. Đây là tôn giáo chính thống của người Khmer. Đạo Phật Tiểu thừa chi phối các sinh hoạt hàng ngày, ứng xử của con người. Cao hơn thế, đó còn là lẽ sống ở đời của người Khmer. Sức mạnh của đạo Phật được thể hiện qua vai trò của ngôi chùa và các vị sư Khmer trong cộng đồng.

Có thể nói, đời sống tinh thần người Khmer Nam Bộ luôn thể hiện tính hồn nhiên, trong sáng, lạc quan và hướng thiện.

Tài liệu tham khảo

1. Luận văn thạc sĩ “Ngôi chùa trong đời sống văn hóa của người Khmer tỉnh Sóc Trăng”. Tác giả Lâm Thanh Sơn.
2. Viện Dân tộc học: Sổ tay các dân tộc ở Việt Nam. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1983.
3. Viện Văn hoá: Tìm hiểu vốn văn hoá dân tộc Khmer Nam Bộ. Nxb. Tổng hợp Hậu Giang. 1988.
4. Thái Hoàng Vũ: Lễ hội - một hình thức tổng hoà văn hoá nghệ thuật. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật 11/1996. Tr.31.
5. Viện Dân tộc học: Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam). Nxb. KHXH. Hà Nội, 1984.